

Đà Nẵng, ngày tháng 3 năm 2018

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ GIÁO DỤC THỂ CHẤT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ
KHÓA 2015

(Kèm theo công văn số:/KGDTC ngàytháng 3 năm 2018 của Trường khoa Khoa Giáo dục Thể chất)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
1	411251151101	Trần Hoàng	Anh	18/01/1997		15CNA01	7.4	B	8.5	A	6.0	C	6.2	C	6.5	C	2.60	Khá	
2	411251151101	Trần Hoàng	Anh	24/02/1997	Quảng Bình	15CNA01											Thiếu điểm	Không đạt	
3	411251151102	Nguyễn Lan	Anh	10/8/1997		15CNA01	6.9	C	6.4	C	4.5	D					Thiếu điểm	Không đạt	
4	411251151105	Nguyễn Thị	Duyên	09/4/1997	Thái Bình	15CNA01	7.9	B	5.0	D	6.5	C			8.0	B	Thiếu điểm	Không đạt	
5	411251151107	Trịnh Thu	Hà	30/5/1997	Thanh Hóa	15CNA01	7.1	B	8.5	A	8.6	A			4.9	D	Thiếu điểm	Không đạt	
6	411251151109	Trần Nguyễn Gia	Hân	09/12/1997		15CNA01											Thiếu điểm	Không đạt	
7	411251151111	Phan Thị Thanh	Hiền	06/11/1997		15CNA01	7.4	B	8.1	B	6.0	C	7.0	B	6.5	C	2.60	Khá	
8	411251151114	Phan Khánh	Ly	25/8/1997		15CNA01	7.7	B	5.6	C	3.9	F	5.5	C	0.0	F	1.40	Không đạt	
9	411251151116	Trần Lê Thảo	Nguyên	13/9/1997		15CNA01	7.3	B	8.9	A	6.4	C	6.8	C	6.6	C	2.60	Khá	
10	411251151117	Nguyễn Khả	Nhi	07/12/1997		15CNA01	6.8	C			0.0	F			1.5	F	Thiếu điểm	Không đạt	
11	411251151119	Nguyễn Thị Tý	Phúc	17/3/1997		15CNA01	7.0	B	7.6	B	6.2	C	5.5	C	6.0	C	2.40	Trung bình	
12	411251151121	Nguyễn Hoàng	Quân	27/5/1997		15CNA01											Thiếu điểm	Không đạt	
13	411251151122	Mai Phạm Tú	Quyên	16/8/1997		15CNA01	7.0	B	6.5	C	4.7	D	5.5	C	5.6	C	2.00	Trung bình	
14	411251151123	Võ Thị Khánh	Quỳnh	06/11/1997		15CNA01	6.8	C	8.0	B	5.8	C	5.5	C	6.2	C	2.20	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
15	411251151127	Nguyễn Thị Bích	Thảo	27/10/1997		15CNA01	7.6	B	8.0	B	7.5	B	8.0	B			Thiếu điểm	Không đạt	
16	411251151137	Lê Thị Hải	Yến	16/3/1996		15CNA01	7.1	B	8.6	A	6.5	C	5.6	C	6.6	C	2.60	Khá	
17	411251151137	Lê Hải	Yến	16/3/1996	Đà Nẵng	15CNA01											Thiếu điểm	Không đạt	
18	411251151141	Trương Phạm Khoa	Nguyên	02/3/1996		15CNA01											Thiếu điểm	Không đạt	
19	411252151103	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	03/4/1997	Nghệ An	15CNA02	9.2	A	4.8	D	8.2	B			4.9	D	Thiếu điểm	Không đạt	
20	411252151113	Lưu Thị Diệu	Hương	25/4/1996	Quảng Bình	15CNA02	9.2	A	7.9	B	7.4	B			5.3	D	Thiếu điểm	Không đạt	
21	411252151122	Tăng Thị Tuyết	Nhung	22/12/1997		15CNA02	7.6	B	6.6	C	6.5	C	6.9	C			Thiếu điểm	Không đạt	
22	411252151124	Lê Hồ Sỹ	Phú	10/8/1997	Đà Nẵng	15CNA02	8.9	A	7.7	B	6.5	C			6.6	C	Thiếu điểm	Không đạt	
23	411252151126	Nguyễn Thị Kiều	Sa	27/10/1997		15CNA02	8.3	B	8.5	A	6.2	C	6.0	C	6.5	C	2.60	Khá	
24	411252151135	Phan Thị Quỳnh	Trang	07/5/1997		15CNA02	7.4	B	8.2	B	6.4	C					Thiếu điểm	Không đạt	
25	411252151137	Trần Kim	Tú	02/7/1997		15CNA02	9.4	A	6.5	C	8.3	B					Thiếu điểm	Không đạt	
26	411253151101	Nguyễn Thị Kim	Cúc	26/7/1997		15CNA03	8.7	A	3.7	F	4.8	D	9.0	A	8.0	B	2.40	Không đạt	
27	411253151102	Phan Quang	Đông	31/10/1997		15CNA03	5.8	C	3.4	F	6.7	C	6.1	C			Thiếu điểm	Không đạt	
28	411253151103	Bùi Thị	Đông	01/01/1997		15CNA03	8.9	A	7.8	B							Thiếu điểm	Không đạt	
29	411253151104	Trần Hữu	Đức	22/8/1997		15CNA03	8.0	B	5.6	C	3.7	F	8.0	B	6.3	C	2.00	Không đạt	
30	411253151105	Đoàn Lê Khánh	Dung	26/4/1997	Đà Nẵng	15CNA03	7.2	B	3.3	F	5.6	C					Thiếu điểm	Không đạt	
31	411253151110	Lê Thị Hoài	Khanh	25/6/1997		15CNA03	9.7	A	9.6	A	6.8	C					Thiếu điểm	Không đạt	
32	411253151117	Phan Thị Nguyệt	Minh	15/10/1997		15CNA03	6.3	C									Thiếu điểm	Không đạt	
33	411253151119	Hà Quân	Phi	01/01/1997		15CNA03	8.4	B			7.6	B					Thiếu điểm	Không đạt	
34	411253151125	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	15/12/1997		15CNA03	9.2	A	8.8	A	7.3	B			3.4	F	Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
35	411253151129	Trần Bảo	Trân	06/8/1997	Quảng Nam	15CNA03	7.1	B	5.3	D	5.5	C	4.8	D	5.2	D	1.60	Không đạt	
36	411253151134	Nguyễn Văn	Tuấn	06/01/1996		15CNA03	6.6	C	5.8	C	4.9	D	5.4	D	6.8	C	1.60	Không đạt	
37	411253151137	Đặng Nhã	Uyên	06/01/1997		15CNA03	9.4	A	6.1	C	4.4	D	5.5	C			Thiếu điểm	Không đạt	
38	411253151138	Trần Thị	Vân	20/10/1997		15CNA03	8.0	B	6.6	C	8.2	B	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
39	411254151122	Trần Ngọc	Quý	14/8/1996		15CNA04	4.8	D	7.6	B	6.3	C	6.7	C	5.5	C	2.00	Trung bình	
40	411255151102	Phan Thị	Ánh	04/02/1997	Đà Nẵng	15CNA05	9.6	A	7.8	B	8.9	A			8.1	B	Thiếu điểm	Không đạt	
41	411255151108	Huỳnh Thị Thúy	Hằng	23/5/1997		15CNA05	8.2	B									Thiếu điểm	Không đạt	
42	411255151110	Phạm Đặng Mỹ	Hằng	02/4/1996	Khánh Hòa	15CNA05	8.1	B	6.9	C	7.3	B			6.6	C	Thiếu điểm	Không đạt	
43	411255151111	Nguyễn Thị Lan	Hương	15/11/1997	Đà Nẵng	15CNA05	8.8	A	8.6	A	8.5	A			6.9	C	Thiếu điểm	Không đạt	
44	411255151113	Trần Thị Kiều	Lam	05/5/1997		15CNA05	8.9	A	6.8	C	7.0	B	6.6	C	7.3	B	2.80	Khá	
45	411255151123	Nguyễn Văn	Rin	04/7/1997		15CNA05	9.4	A	5.1	D							Thiếu điểm	Không đạt	
46	411255151124	Trương Diễm	Thanh	25/4/1997	Đà Nẵng	15CNA05	8.9	A	8.3	B	8.9	A			7.3	B	Thiếu điểm	Không đạt	
47	411255151127	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	01/01/1994	Quảng Nam	15CNA05	7.8	B	7.6	B	5.2	D	2.0	F	6.4	C	1.80	Không đạt	
48	411255151129	Trần Xuân Nhạo	Thủy	23/02/1997		15CNA05	6.4	C	7.5	B	7.7	B			7.3	B	Thiếu điểm	Không đạt	
49	411255151129	Trần Xuân Nhạc	Thủy	23/02/1997	Đà Nẵng	15CNA05											Thiếu điểm	Không đạt	
50	411255151130	Mai Thị Kim	Tiền	06/01/1997		15CNA05	10.0	A	8.7	A	0.8	F					Thiếu điểm	Không đạt	
51	411255151132	Lê Thị Hồng	Trinh	14/02/1997	Đà Nẵng	15CNA05	8.7	A	8.0	B	4.0	D					Thiếu điểm	Không đạt	
52	411255151134	Lê Trần Hồng	Vân	26/3/1995		15CNA05											Thiếu điểm	Không đạt	
53	411255151135	Vũ Thị Thảo	Vi	07/6/1997		15CNA05	8.8	A	9.8	A	6.4	C			6.8	C	Thiếu điểm	Không đạt	
54	411255151138	Hoàng Thị Mỹ	Yến	06/9/1997		15CNA05	6.2	C	5.9	C	2.4	F	5.5	C			Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
55	411256151101	Lưu Hồng	Chang	17/8/1997		15CNA06	6.3	C	4.6	D							Thiếu điểm	Không đạt	
56	411256151102	Trần Thị Xinh	Đan	09/9/1997		15CNA06	7.4	B									Thiếu điểm	Không đạt	
57	411256151109	Ngô Thị	Hằng	01/9/1997		15CNA06	7.6	B									Thiếu điểm	Không đạt	
58	411256151112	Nguyễn Quang	Huy	01/8/1997		15CNA06	6.8	C									Thiếu điểm	Không đạt	
59	411256151114	Bùi Thị Kim	Liên	31/8/1997	Phú Yên	15CNA06	6.0	C	6.6	C	4.4	D	5.7	C	5.7	C	1.80	Không đạt	
60	411256151117	Hồ Thị	Loan	27/8/1997		15CNA06	7.1	B	7.3	B	7.5	B	6.9	C	6.9	C	2.60	Khá	
61	411256151122	Đặng Thị	Phượng	29/9/1997		15CNA06	6.8	C	9.5	A	8.1	B	3.2	F	8.0	B	2.40	Không đạt	
62	411256151123	Lê Thị Bích	Quý	10/10/1997	Quảng Trị	15CNA06	6.0	C	5.7	C	5.5	C	4.8	D	4.4	D	1.60	Không đạt	
63	411256151139	Trần Thị Văn	Yến	24/12/1997		15CNA06	6.8	C	6.2	C	7.3	B	0.0	F			Thiếu điểm	Không đạt	
64	411257151101	Nguyễn Hà Phương	Anh	22/9/1997		15CNA07	1.5	F									Thiếu điểm	Không đạt	
65	411257151102	Dương Lâm	Đan	11/12/1997	Đà Nẵng	15CNA07	6.0	C	3.6	F	5.6	C	4.7	D	4.8	D	1.20	Không đạt	
66	411257151108	Trương Duy	Khang	19/01/1997	Đà Nẵng	15CNA07	6.8	C	5.6	C	6.5	C			6.9	C	Thiếu điểm	Không đạt	
67	411257151109	Trương Thị Như	Khánh	18/10/1997	Thừa Thiên Huế	15CNA07	7.4	B	5.5	C	2.4	F	5.5	C	6.1	C	1.80	Không đạt	
68	411257151114	Nguyễn Thị	Mai	14/7/1997		15CNA07	7.4	B	7.6	B							Thiếu điểm	Không đạt	
69	411257151117	Nguyễn Phương	Nam	03/9/1997		15CNA07	7.0	B	7.7	B	4.4	D					Thiếu điểm	Không đạt	
70	411257151121	Nguyễn Giang	Sơn	12/11/1997		15CNA07	6.8	C	6.1	C	5.6	C	5.6	C			Thiếu điểm	Không đạt	
71	411257151124	Bạch Thị Hồng	Thoa	03/7/1995	Quảng Ngãi	15CNA07	6.5	C	7.2	B	6.0	C			5.5	C	Thiếu điểm	Không đạt	
72	411257151126	Lê Anh	Thư	05/7/1997	Lâm Đồng	15CNA07	6.0	C			5.7	C	7.2	B	6.6	C	Thiếu điểm	Không đạt	
73	411257151127	Hoàng Thị Hồng	Thúy	08/11/1997	Quảng Nam	15CNA07	6.8	C	2.5	F	6.8	C	7.2	B	6.2	C	1.80	Không đạt	
74	411257151128	Huỳnh Thị	Thúy	28/7/1997		15CNA07	6.8	C	6.7	C	6.3	C	6.0	C	7.2	B	2.20	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
						I		II		III		IV		V				
						số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
75	411257151128	Huỳnh Thị Thùy	26/4/1997	Quảng Nam	15CNA07											Thiếu điểm	Không đạt	
76	411258151107	Nguyễn Thị Ái Hậu	09/12/1997		15CNA08	7.9	B	7.5	B	7.6	B					Thiếu điểm	Không đạt	
77	411258151112	Phan Thị Na Ly	25/02/1996		15CNA08					5.2	D					Thiếu điểm	Không đạt	
78	411258151126	Lê Thị Anh Thư	20/01/1997		15CNA08	7.6	B	8.5	A	5.0	D	6.0	C			Thiếu điểm	Không đạt	
79	411258151131	Đào Thị Thiên Trang	04/02/1997		15CNA08	7.9	B	5.7	C	6.4	C	7.2	B	7.4	B	2.60	Khá	
80	411258151131	Đào Thị Thiên Trang	02/4/1997	Đắk Lắk	15CNA08											Thiếu điểm	Không đạt	
81	411258151136	Nguyễn Cát Uyên	03/8/1997		15CNA08	6.7	C	5.8	C							Thiếu điểm	Không đạt	
82	411259151103	Nguyễn Thị Ánh Đào	21/01/1997		15CNA09	10.0	A	8.6	A							Thiếu điểm	Không đạt	
83	411259151114	Lê Thị Linh	08/11/1997		15CNA09	6.9	C	7.8	B	4.6	D					Thiếu điểm	Không đạt	
84	411259151119	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	01/7/1997	Quảng Nam	15CNA09	5.0	D	6.5	C	5.8	C	6.2	C	6.5	C	1.80	Không đạt	
85	411259151124	Nguyễn Thị Quỳnh Như	30/01/1997		15CNA09	9.1	A	8.6	A	6.7	C	8.2	B	5.9	C	3.00	Khá	
86	411259151130	Lê Thị Thanh Thùy	20/9/1997		15CNA09	9.1	A	8.1	B	6.8	C					Thiếu điểm	Không đạt	
87	411259151138	Võ Thị Tường Vy	18/10/1997	Quảng Nam	15CNA09	4.9	D	6.3	C	5.5	C	6.3	C	6.5	C	1.80	Không đạt	
88	41125A151102	Trần Thị Dung	23/02/1997		15CNA10	7.6	B	2.9	F							Thiếu điểm	Không đạt	
89	41125A151103	Hồ Thị Thu Dương	10/10/1996		15CNA10	8.2	B	9.1	A	4.4	D	5.5	C			Thiếu điểm	Không đạt	
90	41125A151104	Hồ Quý Dương	20/5/1997	Đắk Lắk	15CNA10	7.2	B	5.1	D			7.6	B	5.9	C	Thiếu điểm	Không đạt	
91	41125A151106	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	09/02/1997		15CNA10	8.5	A	7.5	B					4.8	D	Thiếu điểm	Không đạt	
92	41125A151108	Trần Bảo Hà	11/02/1997		15CNA10	7.9	B	6.8	C							Thiếu điểm	Không đạt	
93	41125A151118	Nguyễn Thị Ý Nhi	04/02/1997	Đà Nẵng	15CNA10	7.6	B	2.5	F	6.2	C	7.0	B	5.2	D	1.80	Không đạt	
94	41125A151122	Lê Thị Hồng Nhung	18/12/1997		15CNA10	7.7	B	7.2	B	3.7	F	5.8	C	4.9	D	1.80	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
95	41125A151132	Nguyễn Thị Huyền	Trang	26/12/1997	Hà Tĩnh	15CNA10	8.2	B	8.3	B	3.2	F	5.5	C	4.9	D	1.80	Không đạt	
96	411261151101	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	04/10/1997		15CNACLC01	5.6	C	7.0	B	6.1	C	6.0	C	5.5	C	2.20	Trung bình	
97	411261151103	Đặng Minh	Trí	14/4/1997		15CNACLC01											Thiếu điểm	Không đạt	
98	411261151103	Nguyễn Phước Diệu	Hiền	19/9/1997	Đà Nẵng	15CNACLC01											Thiếu điểm	Không đạt	
99	411261151104	Nguyễn Phước Diệu	Hiền	19/9/1997		15CNACLC01	5.9	C	6.2	C	8.5	A	8.4	B			Thiếu điểm	Không đạt	
100	411261151105	Nguyễn Anh	Minh	30/11/1997		15CNACLC01											Thiếu điểm	Không đạt	
101	411261151106	Bùi Thái Huyền	My	02/3/1997	Đà Nẵng	15CNACLC01	7.5	B	4.4	D	4.7	D			2.4	F	Thiếu điểm	Không đạt	
102	411261151107	Dương Thị Hiệp	Mỹ	02/11/1997	Quảng Ngãi	15CNACLC01	6.1	C	5.3	D	6.6	C	6.7	C			Thiếu điểm	Không đạt	
103	411261151108	Dương Huỳnh Bảo	Ngọc	22/10/1997	Quảng Ngãi	15CNACLC01	7.1	B	4.4	D	4.6	D	5.4	D	5.4	D	1.40	Không đạt	
104	411261151110	Lê Phương Thục	Nhàn	23/12/1997	Đà Nẵng	15CNACLC01	8.6	A	8.8	A	6.8	C			7.6	B	Thiếu điểm	Không đạt	
105	411261151112	Phan Thị Hoàng	Oanh	05/02/1997		15CNACLC01	8.0	B	7.9	B	6.2	C	6.7	C	3.6	F	2.00	Không đạt	
106	411261151113	Hồ Minh	Phương	01/11/1997	Nghệ An	15CNACLC01	4.0	D	6.7	C	5.2	D	6.8	C			Thiếu điểm	Không đạt	
107	411261151114	Nguyễn Thái Đan	Tâm	10/11/1997		15CNACLC01	7.7	B	5.1	D	7.3	B	7.7	B	6.1	C	2.40	Trung bình	
108	411261151115	Phan Duy	Thành	15/8/1997		15CNACLC01	2.7	F									Thiếu điểm	Không đạt	
109	411261151116	Phạm Thị Thanh	Thảo	05/01/1997	Quảng Ngãi	15CNACLC01	6.2	C	5.4	D	6.4	C	7.4	B	3.3	F	1.60	Không đạt	
110	411261151118	Võ Thị Minh	Thương	04/01/1997	Quảng Ngãi	15CNACLC01	9.7	A	8.4	B	6.7	C	6.3	C			Thiếu điểm	Không đạt	
111	411261151120	Nguyễn Phước Bảo	Trân	12/7/1997	Đà Nẵng	15CNACLC01	2.7	F	7.2	B	5.7	C	6.7	C	4.4	D	1.60	Không đạt	
112	411261151121	Huỳnh Thị Đài	Trang	15/11/1997		15CNACLC01	5.5	C	5.9	C							Thiếu điểm	Không đạt	
113	411261151122	Hoàng Đức	Trí	28/9/1997		15CNACLC01	5.7	C									Thiếu điểm	Không đạt	
114	411261151124	Đặng Quang	Vinh	18/8/1996		15CNACLC01											Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
115	411262151104	Huỳnh Nguyễn Thanh	Duyên	13/10/1997		15CNACLC02	9.2	A	9.0	A	7.3	B	8.4	B	7.9	B	3.40	Giỏi	
116	411262151111	Đặng Ngọc Yển	Linh	15/10/1997	Đà Nẵng	15CNACLC02	5.6	C	3.8	F	5.7	C	4.3	D	5.7	C	1.40	Không đạt	
117	411262151116	Trần Bảo	Phương	14/8/1997	Đà Nẵng	15CNACLC02	8.1	B	5.6	C	7.2	B	5.5	C			Thiếu điểm	Không đạt	
118	411262151118	Trần Thị Khải	Thư	01/01/1997		15CNACLC02	9.7	A	9.5	A	8.4	B	8.4	B	3.7	F	2.80	Không đạt	
119	411262151119	Nguyễn Mai	Trâm	31/01/1997	Quảng Nam	15CNACLC02	5.7	C	1.4	F	7.6	B	5.9	C	5.6	C	1.80	Không đạt	
120	411262151121	Đặng Minh	Trí	14/4/1997		15CNACLC02	6.9	C	6.9	C							Thiếu điểm	Không đạt	
121	412321151101	Nguyễn Gia	Đạt	08/7/1997		15CNADL01	6.8	C			0.9	F					Thiếu điểm	Không đạt	
122	412321151104	Dương Thị Huyền	Diệu	23/01/1997		15CNADL01	6.8	C	8.2	B	7.2	B	7.0	B	8.1	B	2.80	Khá	
123	412321151104	Dương Thị Huyền	Diệu	30/01/1997	Đắk Lắk	15CNADL01											Thiếu điểm	Không đạt	
124	412321151108	Nguyễn Thị Thu	Hà	02/9/1997		15CNADL01	6.5	C	7.1	B	6.7	C					Thiếu điểm	Không đạt	
125	412321151109	Phạm Thị Ngọc	Hà	02/01/1997		15CNADL01	7.6	B	8.3	B	5.9	C					Thiếu điểm	Không đạt	
126	412321151111	Huỳnh Thị Thanh	Hương	13/6/1997		15CNADL01	6.8	C	10.0	A							Thiếu điểm	Không đạt	
127	412321151113	Nguyễn Thị Minh	Huyền	26/9/1997		15CNADL01	6.8	C	4.3	D	6.5	C			0.0	F	Thiếu điểm	Không đạt	
128	412321151125	Trần Nữ Huyền	Phương	19/3/1997		15CNADL01	6.8	C	7.7	B	5.1	D	6.6	C			Thiếu điểm	Không đạt	
129	412321151129	Huỳnh Thị Thanh	Sang	02/12/1997		15CNADL01	6.8	C	6.8	C	5.5	C	5.7	C	4.8	D	1.80	Không đạt	
130	412321151131	Mai Thị Thu	Tâm	08/6/1997		15CNADL01	7.7	B	5.5	C	4.0	D					Thiếu điểm	Không đạt	
131	412321151132	Trần Văn	Thái	31/3/1997		15CNADL01	6.8	C	5.7	C	5.6	C	5.7	C	2.0	F	1.60	Không đạt	
132	412321151135	Nguyễn Thị Anh	Thư	11/01/1997		15CNADL01	6.8	C	4.0	D	7.5	B	4.8	D	5.5	C	1.80	Không đạt	
133	412321151136	Dương Thị Nhung	Thúy	24/6/1997		15CNADL01	6.5	C	7.2	B	5.5	C			5.9	C	Thiếu điểm	Không đạt	
134	412321151138	Hồ Thị Thiên	Trang	14/7/1997		15CNADL01	6.5	C	6.9	C	5.5	C	4.4	D	5.7	C	1.80	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
135	412321151139	Lê Thị Thùy	Trang	15/4/1997		15CNADL01	6.0	C	7.9	B	4.8	D	5.5	C	4.8	D	1.80	Không đạt	
136	412321151140	Đào Phạm Huyền	Trinh	07/11/1997		15CNADL01	7.6	B	7.6	B							Thiếu điểm	Không đạt	
137	412321151143	Nguyễn Thanh	Vân	05/02/1997		15CNADL01	8.0	B	7.2	B	8.5	A	7.5	B	7.9	B	3.20	Giỏi	
138	412321151145	Lâm Thị Kim	Xuân	29/7/1997		15CNADL01	7.1	B	9.5	A							Thiếu điểm	Không đạt	
139	412322151102	Huỳnh Kim	Ánh	06/10/1997	Đà Nẵng	15CNADL02	4.2	D	7.1	B	6.2	C	4.1	D	6.2	C	1.80	Không đạt	
140	412322151107	Khổng Minh	Hà	29/7/1997	Đà Nẵng	15CNADL02	5.4	D	7.2	B	4.8	D	5.7	C	6.0	C	1.80	Không đạt	
141	412322151110	Lê Thị	Hiên	03/01/1996	Thanh Hóa	15CNADL02	5.0	D	6.7	C	4.9	D	5.8	C	5.9	C	1.60	Không đạt	
142	412322151112	Trần Bá	Hùng	13/11/1997	Đà Nẵng	15CNADL02	8.1	B			6.8	C	7.8	B	6.7	C	Thiếu điểm	Không đạt	
143	412322151114	Phạm Anh	Khoa	05/5/1997	Quảng Nam	15CNADL02	6.5	C	8.2	B	4.4	D	5.6	C			Thiếu điểm	Không đạt	
144	412322151116	Huỳnh Bảo	Kim	28/02/1997	Đà Nẵng	15CNADL02	6.9	C	4.4	D	6.0	C	4.6	D	1.4	F	1.20	Không đạt	
145	412322151117	Nguyễn Thị Mỹ	Liên	28/02/1997		15CNADL02	5.6	C	7.6	B	5.5	C	6.0	C	6.1	C	2.20	Trung bình	
146	412322151118	Nguyễn Thị	Loan	28/9/1997		15CNADL02	8.9	A	8.2	B	6.2	C					Thiếu điểm	Không đạt	
147	412322151120	Huỳnh Thị Thúy	Na	18/12/1997		15CNADL02	8.0	B	8.3	B							Thiếu điểm	Không đạt	
148	412322151125	Nguyễn Ngọc Hoàng	Oanh	16/12/1997		15CNADL02	6.0	C	3.9	F	2.6	F	2.1	F	0.0	F	0.40	Không đạt	
149	412322151127	Lê Bảo	Phúc	15/10/1997	Quảng Nam	15CNADL02	6.6	C	7.1	B			7.6	B	6.9	C	Thiếu điểm	Không đạt	
150	412322151130	Trần Đỗ Công	Quyền	14/4/1997		15CNADL02	8.0	B									Thiếu điểm	Không đạt	
151	412322151132	Trần Thị Thanh	Tâm	10/3/1997		15CNADL02	9.4	A	7.6	B	7.2	B	5.5	C			Thiếu điểm	Không đạt	
152	412322151133	Huỳnh Thị Thanh	Tâm	22/12/1997		15CNADL02	7.9	B	7.2	B	6.8	C					Thiếu điểm	Không đạt	
153	412322151134	Nguyễn Thị Nhật	Thảo	21/8/1997		15CNADL02	8.8	A	6.2	C							Thiếu điểm	Không đạt	
154	412322151138	Lê Thị Hiền	Trang	22/6/1997	Đà Nẵng	15CNADL02	5.6	C	3.7	F	1.6	F	6.3	C	4.0	D	1.00	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
155	412322151140	Phạm Thị Thùy	Trang	12/01/1997		15CNADL02	5.3	D	5.7	C							Thiếu điểm	Không đạt	
156	412322151145	Phan Thị Thanh	Vân	29/8/1995		15CNADL02	8.0	B	7.5	B							Thiếu điểm	Không đạt	
157	412323151105	Phan Đỗ Như	Hào	19/9/1997		15CNADL03	9.4	A	7.8	B	6.8	C	7.3	B			Thiếu điểm	Không đạt	
158	412323151107	Nguyễn Thị	Hiền	15/5/1997		15CNADL03	9.4	A	10.0	A	7.6	B	8.0	B	7.5	B	3.40	Giỏi	
159	412323151107	Nguyễn Thị	Hiền	20/5/1997	Hà Tĩnh	15CNADL03											Thiếu điểm	Không đạt	
160	412323151113	Bùi Nguyễn Ngọc	Linh	07/6/1997		15CNADL03	8.5	A	8.8	A	8.0	B	7.8	B			Thiếu điểm	Không đạt	
161	412323151127	Huỳnh Thị	Thắm		Quảng Nam	15CNADL03	9.1	A	9.0	A	7.3	B	7.7	B	7.3	B	3.40	Giỏi	
162	412323151129	Nguyễn Thị Lâm	Thảo	12/10/1997	Đà Nẵng	15CNADL03	4.5	D	6.8	C	6.5	C	6.3	C	6.9	C	1.80	Không đạt	
163	412323151138	Trần Xuân Bảo	Trâm	17/11/1997	Đà Nẵng	15CNADL03	8.1	B	7.2	B	6.2	C	5.8	C			Thiếu điểm	Không đạt	
164	412323151139	Bùi Thị Thùy	Trang	19/3/1997		15CNADL03	8.0	B	8.2	B	7.8	B	9.5	A			Thiếu điểm	Không đạt	
165	412323151144	Lương Thị	Vi	02/9/1997		15CNADL03	8.4	B	8.1	B	7.9	B					Thiếu điểm	Không đạt	
166	412151151103	Nguyễn Tiến	Anh	20/02/1997		15CNATM01	8.1	B	8.7	A	6.0	C	8.0	B	6.7	C	2.80	Khá	
167	412151151104	Vũ Quỳnh	Anh	01/12/1997		15CNATM01	6.2	C	5.6	C	8.4	B			5.9	C	Thiếu điểm	Không đạt	
168	412151151105	Trần Thị Tú	Anh	28/12/1997		15CNATM01	7.3	B	9.2	A	7.6	B	8.7	A	8.2	B	3.40	Giỏi	
169	412151151107	Trần Thị	Diệu	02/5/1997		15CNATM01	8.0	B	8.6	A	7.3	B	7.1	B	6.3	C	3.00	Khá	
170	412151151108	Phan Thị Đình	Đình	23/02/1997		15CNATM01	8.8	A	8.1	B	7.9	B	6.7	C	7.0	B	3.00	Khá	
171	412151151109	Nguyễn Thị Thu	Hà	14/01/1997		15CNATM01	9.1	A	9.5	A	5.7	C	6.2	C	6.7	C	2.80	Khá	
172	412151151112	Đình Thị Lệ	Hằng	08/11/1997		15CNATM01	6.5	C	7.1	B	7.6	B	6.4	C	7.1	B	2.60	Khá	
173	412151151113	Nguyễn Thu	Hiền	30/4/1997		15CNATM01	8.1	B	6.5	C	7.3	B			7.2	B	Thiếu điểm	Không đạt	
174	412151151114	Phan Thị	Hiếu	05/10/1997		15CNATM01	6.3	C	6.1	C	5.6	C	5.8	C	5.6	C	2.00	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
175	412151151115	Tôn Thị Khánh	Huyền	15/11/1997		15CNATM01	7.6	B	9.5	A	7.2	B	7.7	B	6.6	C	3.00	Khá	
176	412151151116	Đào Thị	Huyền	05/11/1997		15CNATM01	6.9	C	7.6	B	8.4	B	8.4	B	6.9	C	2.60	Khá	
177	412151151118	Bùi Thị Mỹ	Lan	15/3/1997		15CNATM01	6.7	C	8.7	A	7.6	B	6.8	C	7.6	B	2.80	Khá	
178	412151151119	Phan Thị Huyền	Lê	12/9/1997		15CNATM01	5.6	C	7.1	B	7.9	B	6.6	C	7.1	B	2.60	Khá	
179	412151151120	Nguyễn Thị	Liên	24/10/1997		15CNATM01	6.7	C	7.0	B	7.3	B	7.0	B	6.7	C	2.60	Khá	
180	412151151121	Phan Đình	Mẫn	02/11/1997		15CNATM01	7.8	B	9.0	A	8.7	A	8.1	B	5.5	C	3.20	Giỏi	
181	412151151124	Bùi Thị	Mỹ	24/9/1997		15CNATM01	8.8	A	8.9	A	7.6	B	7.9	B	6.7	C	3.20	Giỏi	
182	412151151125	Giang Tiểu	Nhi	14/10/1997		15CNATM01	8.0	B	10.0	A	8.1	B			6.0	C	Thiếu điểm	Không đạt	
183	412151151126	Lê Thị Tuyết	Nhung	06/10/1997		15CNATM01	9.0	A	9.2	A			7.1	B			Thiếu điểm	Không đạt	
184	412151151127	Lâm Hạ	Phúc	19/4/1997		15CNATM01	5.5	C	9.2	A	7.0	B	7.6	B	7.6	B	3.00	Khá	
185	412151151128	Trương Thị Thúy	Quỳnh	17/6/1997		15CNATM01	8.8	A	6.8	C	7.7	B	6.5	C	6.5	C	2.60	Khá	
186	412151151130	Lê Thị Thu	Thảo	20/11/1997		15CNATM01	8.8	A	6.7	C	9.2	A	9.7	A	9.2	A	3.60	Xuất sắc	
187	412151151131	Nguyễn Thị Thu	Thảo	01/10/1997		15CNATM01	9.1	A	7.5	B	8.4	B	7.7	B	5.6	C	3.00	Khá	
188	412151151132	Cao Thị Diệu	Thu	21/7/1997		15CNATM01	8.6	A	6.7	C	8.1	B			6.7	C	Thiếu điểm	Không đạt	
189	412151151133	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	17/01/1997		15CNATM01	6.0	C	9.5	A	8.1	B			7.3	B	Thiếu điểm	Không đạt	
190	412151151134	Đỗ Thị Thanh	Thúy	13/4/1997		15CNATM01	7.2	B	7.3	B	8.4	B	7.3	B	7.9	B	3.00	Khá	
191	412151151135	Võ Thị Kim	Thùy	19/12/1997		15CNATM01	8.1	B	9.0	A	6.8	C			6.7	C	Thiếu điểm	Không đạt	
192	412151151136	Bùi Thị Thu	Thùy	12/12/1997		15CNATM01	7.6	B	7.6	B	8.5	A	8.1	B	6.4	C	3.00	Khá	
193	412151151137	Trương Thị	Tới	10/5/1997		15CNATM01	8.7	A	7.1	B	9.0	A	8.4	B	8.9	A	3.60	Xuất sắc	
194	412151151138	Huỳnh Diễm	Trang	26/02/1997		15CNATM01	7.3	B	7.6	B	7.0	B	7.6	B	6.8	C	2.80	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
195	412151151139	Nguyễn Thị Hồng	Trinh	22/02/1997		15CNATM01	7.8	B	8.6	A	7.6	B	6.5	C	6.5	C	2.80	Khá	
196	412151151140	Phạm Thị Mỹ	Tú	22/6/1997		15CNATM01	7.9	B	6.5	C	6.5	C	6.8	C	7.6	B	2.40	Trung bình	
197	412151151141	Nguyễn Trần Thúy	Vui	04/11/1997		15CNATM01	6.1	C	8.9	A	9.0	A	6.6	C	7.1	B	3.00	Khá	
198	412152151101	Nguyễn Thị	Anh	05/02/1997	Nghệ An	15CNATM02	7.8	B	3.7	F	5.7	C	6.6	C	6.0	C	1.80	Không đạt	
199	412152151104	Đậu Hà Bảo	Ánh	24/8/1997		15CNATM02	7.2	B	7.3	B							Thiếu điểm	Không đạt	
200	412152151120	Nguyễn Khánh	Nguyên	17/11/1997		15CNATM02	6.9	C	0.0	F							Thiếu điểm	Không đạt	
201	412152151123	Nguyễn Thị Lan	Nhi	01/10/1997		15CNATM02	5.5	C									Thiếu điểm	Không đạt	
202	412152151124	Lê Ý	Nhi	13/4/1997		15CNATM02	6.6	C									Thiếu điểm	Không đạt	
203	412153151102	Phan Vũ Minh	Anh	14/02/1997		15CNATM03	5.5	C	6.6	C	7.4	B	7.1	B	6.9	C	2.40	Trung bình	
204	412153151108	Võ Thị Mỹ	Duyên	02/9/1997	Quảng Trị	15CNATM03	7.0	B	9.5	A	7.2	B			6.8	C	Thiếu điểm	Không đạt	
205	412153151113	Phạm Quốc	Hung	19/5/1997	Đà Nẵng	15CNATM03	5.6	C	5.1	D	6.1	C	6.8	C	6.9	C	1.80	Không đạt	
206	412153151115	Đậu Phương	Linh	26/12/1997	Nghệ An	15CNATM03	8.0	B	8.1	B	8.4	B			5.9	C	Thiếu điểm	Không đạt	
207	412153151116	Ngô Thị Mỹ	Linh	04/12/1997		15CNATM03	7.5	B	9.1	A	9.2	A	8.7	A			Thiếu điểm	Không đạt	
208	412153151117	Ngô Thị Thu	Minh	02/01/1997		15CNATM03	7.3	B	7.2	B	7.4	B	7.6	B	3.6	F	2.40	Không đạt	
209	412153151119	Tân Phạm Hồng	Mỹ	10/12/1997	Quảng Ngãi	15CNATM03	8.3	B	7.6	B	7.3	B			7.2	B	Thiếu điểm	Không đạt	
210	412153151120	Phùng Mỹ	Ngọc	14/3/1997		15CNATM03	7.6	B									Thiếu điểm	Không đạt	
211	412153151140	Lê Thị	Vi	09/8/1997		15CNATM03	8.7	A	4.6	D							Thiếu điểm	Không đạt	
212	412154151102	Trần Thị Thu	Bình	09/7/1997		15CNATM04											Thiếu điểm	Không đạt	
213	412154151109	Nguyễn Thị Hồng	Hải	12/6/1996		15CNATM04	6.3	C	6.8	C	7.2	B	5.9	C	6.8	C	2.20	Trung bình	
214	412154151109	Nguyễn Thị Hồng	Hải	04/8/1996	Quảng Trị	15CNATM04											Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
215	412154151124	Nguyễn Thị Phương	Thảo	02/11/1997		15CNATM04	7.5	B	7.5	B	5.6	C	6.0	C	3.7	F	2.00	Không đạt	
216	412154151128	Lê Thanh	Thảo	27/6/1997		15CNATM04	8.1	B									Thiếu điểm	Không đạt	
217	412154151133	Nguyễn Thị	Tiền	20/02/1997		15CNATM04	7.8	B	9.2	A	8.1	B	8.2	B	7.2	B	3.20	Giỏi	
218	412161151101	Nguyễn Phan Khánh	An	26/3/1997	Đà Nẵng	15CNATMCLC01	7.1	B	7.6	B	8.5	A			6.7	C	Thiếu điểm	Không đạt	
219	412161151104	Nguyễn Mạnh	Cường	10/5/1997		15CNATMCLC01	4.7	D	3.4	F	4.0	D	2.1	F			Thiếu điểm	Không đạt	
220	412161151109	Huỳnh Lê Hải	Hậu	16/01/1997		15CNATMCLC01	8.4	B	3.4	F	7.9	B	6.0	C	5.6	C	2.00	Không đạt	
221	412161151111	Trần Phương	Linh	31/3/1997		15CNATMCLC01	9.4	A	6.3	C	8.1	B	6.7	C	5.8	C	2.60	Khá	
222	412161151116	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngọc	10/5/1997		15CNATMCLC01	5.7	C									Thiếu điểm	Không đạt	
223	412161151124	Hồ Hoàng Thu	Thảo	15/3/1997		15CNATMCLC01	7.9	B	2.1	F							Thiếu điểm	Không đạt	
224	412161151126	Nguyễn Trần Phước	Tín	08/6/1997		15CNATMCLC01	7.6	B									Thiếu điểm	Không đạt	
225	412161151128	Nguyễn Thị Hoàng	Vi	18/4/1997		15CNATMCLC01	8.8	A	8.4	B	6.4	C	8.5	A	5.5	C	3.00	Khá	
226	412161151130	Đỗ Thanh	Hằng	26/3/1997	Đà Nẵng	15CNATMCLC01	9.6	A	8.1	B	8.5	A			8.4	B	Thiếu điểm	Không đạt	
227	412161151131	Trần Thị Như	Quỳnh	10/5/1997		15CNATMCLC01	7.9	B	6.5	C	5.3	D	5.9	C			Thiếu điểm	Không đạt	
228	412162151101	Lê Phước Hoài	An	20/8/1997		15CNATMCLC01	8.2	B									Thiếu điểm	Không đạt	
229	412162151112	Nguyễn Thị Huỳnh	Kim	07/9/1996		15CNATMCLC01	8.1	B									Thiếu điểm	Không đạt	
230	412162151115	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	05/5/1997		15CNATMCLC01	10.0	A									Thiếu điểm	Không đạt	
231	412162151116	Võ Thị Quỳnh	My	05/10/1997		15CNATMCLC01	8.1	B									Thiếu điểm	Không đạt	
232	412162151101	Lê Phước Hoài	An	20/8/1997	Quảng Nam	15CNATMCLC02			6.4	C	5.7	C	5.5	C	6.5	C	Thiếu điểm	Không đạt	
233	412162151106	Lê Hồ Gia	Hân	17/01/1997		15CNATMCLC02	9.7	A	8.0	B							Thiếu điểm	Không đạt	
234	412162151111	Nguyễn Đình Anh	Kiệt	01/01/1998		15CNATMCLC02	3.9	F	6.5	C	5.3	D	6.2	C	5.7	C	1.40	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
235	412162151112	Nguyễn Thị Huỳnh	Kim	07/9/1996	Đà Nẵng	15CNATMCLC02			7.0	B	6.4	C	7.1	B	6.9	C	Thiếu điểm	Không đạt	
236	412162151113	Ngô Khánh	Linh	07/5/1997		15CNATMCLC02	7.6	B	5.9	C			5.5	C	5.8	C	Thiếu điểm	Không đạt	
237	412162151115	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	05/5/1997	Quảng Nam	15CNATMCLC02			6.8	C	6.2	C	7.4	B	6.9	C	Thiếu điểm	Không đạt	
238	412162151116	Võ Thị Quỳnh	My	05/10/1997	Đà Nẵng	15CNATMCLC02			6.7	C	5.8	C	6.0	C	7.1	B	Thiếu điểm	Không đạt	
239	412162151117	Lê Thị Minh	Ngọc	06/01/1997		15CNATMCLC02	8.2	B	7.1	B	6.2	C					Thiếu điểm	Không đạt	
240	412162151121	Lê Thanh	Phuong	17/9/1997		15CNATMCLC02	0.9	F									Thiếu điểm	Không đạt	
241	412162151122	Nguyễn Ngọc Cẩm	Quyên	27/7/1997		15CNATMCLC02	6.9	C	6.8	C	6.5	C	5.0	D	5.6	C	1.80	Không đạt	
242	412162151124	Phùng Thị Thanh	Tâm	11/9/1997		15CNATMCLC02	6.8	C	4.1	D	5.7	C	6.0	C	5.8	C	1.80	Không đạt	
243	416401151101	Đặng Thị Thúy	An	13/12/1997	Đà Nẵng	15CNĐPH01	8.2	B	3.6	F	7.9	B	7.9	B	8.4	B	2.40	Không đạt	
244	416401151105	Trương Phương	Chi	26/10/1997		15CNĐPH01	7.5	B									Thiếu điểm	Không đạt	
245	416401151106	Lê Thùy	Dương	13/6/1997		15CNĐPH01	8.0	B	0.6	F	5.6	C	6.3	C	5.7	C	1.80	Không đạt	
246	416401151107	Đinh Thị Hương	Giang	28/3/1997		15CNĐPH01	7.9	B	6.5	C							Thiếu điểm	Không đạt	
247	416401151108	Nguyễn Thị Hương	Giang	01/7/1994		15CNĐPH01	7.7	B	2.4	F	0.0	F			0.0	F	Thiếu điểm	Không đạt	
248	416401151111	Lý Thị Thu	Hiền	05/12/1996	Đắk Lắk	15CNĐPH01	7.2	B	5.8	C	6.3	C	4.0	D	4.0	D	1.80	Không đạt	
249	416401151113	Cao Thị Khánh	Huyền	01/12/1997		15CNĐPH01	7.9	B									Thiếu điểm	Không đạt	
250	416401151115	Lê Thị Thanh	Huyền	10/10/1997		15CNĐPH01											Thiếu điểm	Không đạt	
251	416401151120	Ksor H'	Lỗih	18/4/1997		15CNĐPH01	8.0	B	8.4	B	6.6	C	4.6	D	6.4	C	2.20	Trung bình	
252	416401151120	Ksor	H'Lỗih	18/4/1997	Gia Lai	15CNĐPH01											Thiếu điểm	Không đạt	
253	416401151130	Hoàng Bích	Quỳnh	25/12/1997		15CNĐPH01	7.1	B	1.2	F							Thiếu điểm	Không đạt	
254	416401151142	Đoàn Thị Thúy	Vy	27/3/1997		15CNĐPH01	8.2	B	8.7	A	5.6	C	5.3	D	3.6	F	2.00	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
255	416402151101	Hoàng Thị Thanh	Châu	13/5/1997	Đà Nẵng	15CNĐPH02	6.5	C	5.5	C	6.6	C	6.9	C	5.2	D	1.80	Không đạt	
256	416402151103	Bờnướch	Đức	27/02/1997		15CNĐPH02	8.4	B	5.6	C	7.6	B	6.6	C	7.1	B	2.60	Khá	
257	416402151103	Bờ Nướch	Đức	21/02/1997	Quảng Nam	15CNĐPH02											Thiếu điểm	Không đạt	
258	416402151107	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	07/6/1997	Đà Nẵng	15CNĐPH02	6.5	C	7.0	B	7.4	B	6.3	C	3.7	F	2.00	Không đạt	
259	416402151110	Thái Thị	Huyền	24/3/1997		15CNĐPH02											Thiếu điểm	Không đạt	
260	416402151113	Huỳnh Thị Châu	Loan	01/12/1997	Bình Định	15CNĐPH02	6.0	C	6.3	C	4.9	D	6.3	C	5.7	C	1.80	Không đạt	
261	416402151115	Đinh Hồ Thảo	Ly	08/02/1996		15CNĐPH02	2.1	F									Thiếu điểm	Không đạt	
262	416402151117	Đặng Thị Ánh	Ngân	20/9/1997		15CNĐPH02	6.8	C									Thiếu điểm	Không đạt	
263	416402151120	Ngô Thị Ánh	Ngọc	05/4/1997	Quảng Ngãi	15CNĐPH02	6.8	C	4.3	D	6.1	C	6.0	C	4.9	D	1.60	Không đạt	
264	416402151122	Nguyễn Như Sương	Nguyên	10/8/1997		15CNĐPH02	7.4	B	0.0	F							Thiếu điểm	Không đạt	
265	416402151126	Bùi Thị Mỹ	Nương	20/02/1997	Bình Định	15CNĐPH02	6.6	C	6.3	C	4.0	D	6.0	C	6.0	C	1.80	Không đạt	
266	416402151129	Lê Như	Quỳnh	25/3/1997		15CNĐPH02	6.3	C	4.1	D	9.2	A	9.8	A	9.0	A	3.00	Khá	
267	416402151134	Trần Thị Thủy	Tiên	22/12/1996		15CNĐPH02	6.3	C	6.3	C							Thiếu điểm	Không đạt	
268	416402151136	Nguyễn Thị Thùy	Trang	03/9/1997		15CNĐPH02	6.3	C							0.0	F	Thiếu điểm	Không đạt	
269	416402151143	Nguyễn Mai Hạnh	Nguyên	28/7/1996		15CNĐPH02	6.8	C	4.7	D	7.5	B	6.3	C	5.5	C	2.00	Trung bình	
270	416402151143	Nguyễn Mai Hạnh	Nguyên	20/7/1996	Đà Nẵng	15CNĐPH02											Thiếu điểm	Không đạt	
271	417221151119	Nguyễn Thị Kim	Ngân	25/02/1997		15CNH01	8.8	A	7.1	B	5.1	D	5.6	C	6.0	C	2.40	Trung bình	
272	417221151120	Trương Thị Thanh	Ngọc	24/11/1997		15CNH01	3.6	F									Thiếu điểm	Không đạt	
273	417221151121	Vũ Thị Quỳnh	Như	06/6/1996		15CNH01	8.5	A	5.7	C	0.0	F	4.2	D	6.2	C	1.80	Không đạt	
274	417221151121	Vũ Thị Quỳnh	Như	06/6/1997	Gia Lai	15CNH01											Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
275	417221151125	Lê Nguyễn Đan	Phương	05/10/1997	Phú Yên	15CNH01	6.5	C	6.9	C	5.9	C	4.5	D	4.9	D	1.60	Không đạt	
276	417222151103	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	20/01/1997		15CNH02	7.0	B	6.8	C							Thiếu điểm	Không đạt	
277	417222151105	Nguyễn Trần Thùy	Dung	14/01/1997	Quảng Trị	15CNH02	8.5	A	7.7	B	3.6	F	6.9	C	6.1	C	2.20	Không đạt	
278	417222151106	Đinh Thị	Duyên	14/3/1997	Nghệ An	15CNH02	8.2	B	9.1	A	3.2	F	7.1	B			Thiếu điểm	Không đạt	
279	417222151121	Nguyễn Thị Hoàng	Như	25/11/1997	Quảng Nam	15CNH02	7.6	B	6.6	C	5.6	C			6.6	C	Thiếu điểm	Không đạt	
280	417222151125	Trần Nguyễn Hồng	Nhung	31/7/1997	Quảng Nam	15CNH02	9.4	A	7.4	B	7.0	B	6.8	C	3.6	F	2.40	Không đạt	
281	417222151136	Trần Thị	Xuân	26/4/1997	Quảng Nam	15CNH02	9.4	A	8.8	A	6.8	C	7.4	B			Thiếu điểm	Không đạt	
282	417223151103	Huỳnh Xuân	Diệu	13/9/1997		15CNH03	6.0	C	6.0	C	7.2	B	6.8	C			Thiếu điểm	Không đạt	
283	417223151104	Lê Thị Hương	Diệu	24/12/1997		15CNH03	6.0	C	10.0	A	4.8	D					Thiếu điểm	Không đạt	
284	417223151109	Nguyễn Thị	Hồng	01/8/1997	Nghệ An	15CNH03	6.5	C	7.6	B	1.5	F	6.0	C	5.5	C	1.80	Không đạt	
285	417223151114	Trần Thị Hoa	Lựu	04/11/1997		15CNH03	6.8	C	3.1	F							Thiếu điểm	Không đạt	
286	417223151122	Huỳnh Thị Yến	Phượng	12/7/1997		15CNH03	7.4	B	7.8	B	4.9	D					Thiếu điểm	Không đạt	
287	417223151125	Đoàn Thị Thanh	Thảo	26/12/1997	Quảng Nam	15CNH03	7.7	B	7.7	B	8.5	A			5.6	C	Thiếu điểm	Không đạt	
288	417223151131	Hồ Thị Bảo	Trân	06/6/1997		15CNH03	7.1	B	5.4	D					0.0	F	Thiếu điểm	Không đạt	
289	417121151101	Phan Thị Quỳnh	Anh	24/02/1997		15CNJ01	7.3	B	6.6	C	4.6	D	4.4	D	6.6	C	1.80	Không đạt	
290	417121151114	Lê Thị Thu	Hiền	20/4/1997		15CNJ01	5.5	C									Thiếu điểm	Không đạt	
291	417122151114	Bùi Thị Thúy	Mỹ	20/4/1996		15CNJ02	8.4	B	4.0	D							Thiếu điểm	Không đạt	
292	417122151115	Lê Thị Bích	Ngọc	04/9/1997		15CNJ02	9.1	A	6.8	C	7.6	B					Thiếu điểm	Không đạt	
293	417122151116	Nguyễn Đăng	Nguyên	17/9/1997	Quảng Nam	15CNJ02	4.9	D			7.6	B	6.5	C	7.0	B	Thiếu điểm	Không đạt	
294	417122151120	Nguyễn Thị	Nương	05/10/1997		15CNJ02	7.4	B									Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
295	417122151122	Nguyễn Thị Minh	Quý	14/11/1997		15CNJ02	7.3	B									Thiếu điểm	Không đạt	
296	417122151123	Võ Thị Khánh	Quyên	22/8/1997	Quảng Nam	15CNJ02	6.1	C	5.9	C	6.0	C	4.8	D	6.1	C	1.80	Không đạt	
297	417122151126	Trần Phan Quỳnh	Thư	22/12/1997		15CNJ02	6.4	C	5.2	D							Thiếu điểm	Không đạt	
298	417123151117	Lê Hải	Lý	08/10/1997		15CNJ03	7.0	B	10.0	A	6.3	C	6.0	C	7.0	B	2.80	Khá	
299	417123151117	Lê Hải	Lý	15/11/1997	Quảng Nam	15CNJ03											Thiếu điểm	Không đạt	
300	417123151118	Lê Thị	Mai	01/5/1997	Quảng Bình	15CNJ03	6.3	C	7.8	B	6.8	C			5.6	C	Thiếu điểm	Không đạt	
301	417123151124	Nguyễn Phương	Thanh	27/7/1997		15CNJ03	7.0	B	9.5	A	7.6	B					Thiếu điểm	Không đạt	
302	417123151132	Trần Nhã	Tuyền	13/01/1997		15CNJ03	7.9	B	6.0	C							Thiếu điểm	Không đạt	
303	417123151133	Đào Thị Tường	Vi	06/7/1997		15CNJ03	7.6	B									Thiếu điểm	Không đạt	
304	414221151101	Lê Thị Mỹ	Chi	12/9/1997		15CNN01	6.5	C	5.4	D							Thiếu điểm	Không đạt	
305	414221151103	Nguyễn Thuận Hoàng	Dung	24/7/1997		15CNN01	6.8	C	8.6	A	2.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
306	414221151104	Huỳnh Thị Bảo	Duyên	25/01/1997		15CNN01	7.1	B									Thiếu điểm	Không đạt	
307	414221151107	Nguyễn Thị Thanh	Hoài	26/3/1997		15CNN01	6.3	C	5.6	C							Thiếu điểm	Không đạt	
308	414221151108	Nguyễn Thị Kim	Huệ	20/02/1997		15CNN01	7.4	B									Thiếu điểm	Không đạt	
309	414221151109	Phan Thị	Hương	21/8/1997		15CNN01	7.6	B	6.8	C							Thiếu điểm	Không đạt	
310	414221151111	Mai Thị Thúy	Huyền	15/4/1997		15CNN01	7.1	B	7.2	B	5.6	C	5.7	C			Thiếu điểm	Không đạt	
311	414221151113	Mai Đức Hoàng	Linh	23/8/1997		15CNN01	7.3	B	6.9	C	5.0	D	6.0	C			Thiếu điểm	Không đạt	
312	414221151114	Đào Nhật	Linh	10/9/1997		15CNN01	6.5	C									Thiếu điểm	Không đạt	
313	414221151116	Nguyễn Thị Châu	Ngọc	02/6/1996	Đà Nẵng	15CNN01	6.8	C	6.7	C	4.4	D	6.5	C	6.0	C	1.80	Không đạt	
314	414221151117	Nguyễn Hoàng Thục	Nhi	16/7/1997		15CNN01	6.0	C	7.6	B							Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
315	414221151118	Bùi Thục	Nhi	27/4/1996	Quảng Trị	15CNN01	6.5	C			3.2	F			3.7	F	Thiếu điểm	Không đạt	
316	414221151119	Trần Thị Huỳnh	Như	22/5/1997		15CNN01	7.1	B	8.1	B	4.9	D	5.6	C			Thiếu điểm	Không đạt	
317	414221151120	Nguyễn Thị	Oanh	03/01/1997		15CNN01	6.5	C	6.1	C	6.8	C	5.5	C	0.0	F	1.60	Không đạt	
318	414221151121	Trần Hữu	Phát	16/3/1997		15CNN01	6.8	C									Thiếu điểm	Không đạt	
319	414221151123	Hồ Thị Hồng	Phúc	14/11/1997		15CNN01											Thiếu điểm	Không đạt	
320	414221151125	Vũ Văn	Quân	26/4/1997		15CNN01	6.8	C	6.1	C							Thiếu điểm	Không đạt	
321	414221151127	Hoàng Lê Bảo	Thi	18/01/1997		15CNN01	6.0	C									Thiếu điểm	Không đạt	
322	414221151128	Trần Thị	Thoa	09/01/1997		15CNN01	6.8	C	5.5	C	7.0	B	6.5	C			Thiếu điểm	Không đạt	
323	414221151129	Đỗ Lê Huyền	Trân	15/12/1997		15CNN01	6.8	C	5.8	C							Thiếu điểm	Không đạt	
324	414221151130	Lê Thị Minh	Trang	15/12/1997		15CNN01	7.1	B	7.1	B	4.8	D	6.8	C			Thiếu điểm	Không đạt	
325	414221151132	Hồ Ngọc Khánh	Vân	16/6/1997		15CNN01	6.3	C									Thiếu điểm	Không đạt	
326	414221151135	Lê Thảo	Vy	12/3/1997		15CNN01											Thiếu điểm	Không đạt	
327	414221151136	Bùi Quốc	Chung	29/9/1997		15CNN01			5.8	C	6.4	C	6.5	C			Thiếu điểm	Không đạt	
328	414321151103	Phạm Thị Thanh	Diệu	03/5/1997		15CNNDL01	6.5	C	4.4	D							Thiếu điểm	Không đạt	
329	414321151105	Nguyễn Hoàng Linh	Giang	26/10/1997		15CNNDL01	7.1	B	8.6	A	2.1	F					Thiếu điểm	Không đạt	
330	414321151106	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	20/9/1996		15CNNDL01	7.4	B	7.1	B							Thiếu điểm	Không đạt	
331	414321151107	Đinh Thị Ngọc	Hiền	18/6/1997		15CNNDL01	7.4	B	5.9	C	2.4	F					Thiếu điểm	Không đạt	
332	414321151108	Đặng Thị Kim	Hùng	01/02/1997	Quảng Nam	15CNNDL01	7.1	B	9.5	A	7.2	B	5.7	C			Thiếu điểm	Không đạt	
333	414321151110	Huỳnh Mỹ	Lên	30/9/1997		15CNNDL01											Thiếu điểm	Không đạt	
334	414321151112	Lê Thị Quỳnh	Miên	02/8/1996		15CNNDL01											Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
335	414321151115	Đinh Trường	Nam	13/01/1997		15CNNDL01	6.8	C	6.3	C	0.6	F					Thiếu điểm	Không đạt	
336	414321151116	Huỳnh Thị Kim	Nga	01/8/1997		15CNNDL01	7.9	B	0.0	F	5.8	C	6.1	C	5.5	C	1.80	Không đạt	
337	414321151118	Nguyễn Cao Bảo	Ngọc	15/02/1997	Đà Nẵng	15CNNDL01	6.8	C	9.0	A	8.9	A	7.1	B			Thiếu điểm	Không đạt	
338	414321151121	Nguyễn Thị Thu	Sang	25/6/1997	Đà Nẵng	15CNNDL01	6.8	C	6.3	C	7.2	B	5.9	C			Thiếu điểm	Không đạt	
339	414321151124	Sa Thị Hoài	Thương	28/9/1997		15CNNDL01	6.8	C									Thiếu điểm	Không đạt	
340	414321151125	Lê Minh	Trung	12/02/1996		15CNNDL01	6.8	C	5.6	C							Thiếu điểm	Không đạt	
341	414321151127	Nguyễn Lê Anh	Tùng	14/11/1997	Đà Nẵng	15CNNDL01	6.8	C	6.6	C			7.3	B			Thiếu điểm	Không đạt	
342	414321151130	Lê Thị Xuân	Phương	04/5/1997		15CNNDL01	6.8	C	7.5	B	6.4	C					Thiếu điểm	Không đạt	
343	414321151131	Mai Thị	Trúc	24/7/1997		15CNNDL01	6.8	C	6.7	C							Thiếu điểm	Không đạt	
344	413231151102	Trần Thị Thu	Cẩm	05/4/1997		15CNP01	8.2	B	4.2	D	7.3	B	7.0	B			Thiếu điểm	Không đạt	
345	413231151106	Trần Thị Ngân	Hà	30/10/1997	Đà Nẵng	15CNP01	7.4	B	4.8	D	8.0	B					Thiếu điểm	Không đạt	
346	413231151107	Nguyễn Thị Thu	Hà	03/11/1997		15CNP01	6.0	C									Thiếu điểm	Không đạt	
347	413231151108	Lê Thị Thanh	Hải	23/7/1997	Đà Nẵng	15CNP01	6.0	C	5.9	C	4.3	D	6.9	C	5.8	C	1.80	Không đạt	
348	413231151112	Phạm Thị Pha	Lê	12/02/1997		15CNP01	7.4	B									Thiếu điểm	Không đạt	
349	413231151120	Nguyễn Trần Uyên	Nhi	10/10/1997		15CNP01	6.5	C									Thiếu điểm	Không đạt	
350	413231151123	Nguyễn Văn	Tây	26/5/1996	Phú Yên	15CNP01	6.8	C	5.0	D			4.8	D	6.4	C	Thiếu điểm	Không đạt	
351	413231151128	Trần Thị	Thúy	30/7/1996		15CNP01	7.6	B									Thiếu điểm	Không đạt	
352	413231151130	Đỗ Thủy	Tiên	23/01/1997	Đà Nẵng	15CNP01	6.8	C	8.8	A	7.6	B	7.6	B	3.4	F	2.40	Không đạt	
353	413231151131	Nguyễn Thị Bích	Trâm	20/4/1997		15CNP01	8.2	B	7.4	B			5.8	C	5.6	C	Thiếu điểm	Không đạt	
354	413231151134	Nguyễn Thị	Trang	16/4/1997		15CNP01	7.9	B	7.6	B							Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
355	413331151101	Nguyễn Tô Phương	Anh	28/5/1997		15CNPDL01	4.0	D	5.6	C	5.7	C					Thiếu điểm	Không đạt	
356	413331151103	Vũ	Bằng	03/11/1996	Đà Nẵng	15CNPDL01	6.8	C	3.4	F	7.4	B	6.0	C	8.8	A	2.20	Không đạt	
357	413331151106	Mai Thị Thùy	Duyên	30/5/1997		15CNPDL01	7.7	B	5.4	D	7.7	B	6.2	C	6.2	C	2.20	Trung bình	
358	413331151107	Trang Trần Đại	Gia	04/10/1997	Đà Nẵng	15CNPDL01	3.9	F	3.4	F	3.4	F					Thiếu điểm	Không đạt	
359	413331151109	Bùi Thị Thanh	Hào	01/9/1997	Đà Nẵng	15CNPDL01	5.1	D	4.8	D	6.7	C	5.2	D	6.8	C	1.40	Không đạt	
360	413331151111	Nguyễn Minh	Hoàng	30/7/1997		15CNPDL01	6.8	C	3.7	F	6.4	C	5.3	D			Thiếu điểm	Không đạt	
361	413331151113	Trần Thị Thanh	Huyền	16/8/1997	Đà Nẵng	15CNPDL01	8.0	B	5.2	D	4.4	D	6.0	C	4.4	D	1.60	Không đạt	
362	413331151114	Vũ Thị Thu	Huyền	12/6/1997		15CNPDL01	8.3	B									Thiếu điểm	Không đạt	
363	413331151115	Lê Đăng	Khoa	20/11/1997		15CNPDL01	6.4	C	7.2	B	5.6	C					Thiếu điểm	Không đạt	
364	413331151116	Trần Thị Từ	Linh	23/4/1997	Quảng Nam	15CNPDL01	5.8	C	6.6	C	3.2	F	6.4	C	5.4	D	1.40	Không đạt	
365	413331151123	Nguyễn Thị Hoàng	Ny	18/7/1997		15CNPDL01	8.4	B	0.0	F							Thiếu điểm	Không đạt	
366	413331151124	Huỳnh Nguyễn Lan	Phương	03/01/1997		15CNPDL01	5.5	C			6.9	C			3.5	F	Thiếu điểm	Không đạt	
367	413331151125	Nguyễn Hà Minh	Phương	05/10/1997		15CNPDL01	6.8	C									Thiếu điểm	Không đạt	
368	413331151127	Trần Thị Thu	Thảo	29/3/1997	Quảng Nam	15CNPDL01	4.2	D	5.2	D	4.9	D	6.0	C	5.7	C	1.40	Không đạt	
369	413331151128	Nguyễn Thị Phương	Thảo	12/7/1997		15CNPDL01	7.8	B	6.3	C	6.0	C					Thiếu điểm	Không đạt	
370	413331151129	Phan Thị Thu	Thảo	09/3/1997		15CNPDL01	7.1	B									Thiếu điểm	Không đạt	
371	413331151130	Võ Thị Xuân	Thiều	17/12/1997	Đà Nẵng	15CNPDL01	4.4	D	4.7	D							Thiếu điểm	Không đạt	
372	413331151131	Nguyễn Hữu	Thịnh	15/11/1997		15CNPDL01	5.7	C	6.0	C	4.6	D	5.3	D	6.1	C	1.60	Không đạt	
373	413331151133	Nguyễn Vũ Thanh	Thúy	03/5/1997	Đà Nẵng	15CNPDL01	7.0	B	6.9	C	4.1	D					Thiếu điểm	Không đạt	
374	413331151136	Tôn Nữ Vân	Trà	14/10/1997	Đà Nẵng	15CNPDL01	3.5	F	3.8	F	6.6	C	6.2	C	7.1	B	1.40	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
375	413331151137	Phạm Thị Ngọc	Trâm	30/5/1997		15CNPDL01	5.2	D									Thiếu điểm	Không đạt	
376	413331151138	Hồ Nhật	Trường	13/6/1997		15CNPDL01	4.7	D									Thiếu điểm	Không đạt	
377	413331151139	Nguyễn Thị Minh	Tuyền	04/6/1997		15CNPDL01	6.1	C	7.2	B	7.0	B	6.7	C	6.4	C	2.40	Trung bình	
378	1	Quảng	Bình			15CNQTH01											Thiếu điểm	Không đạt	
379	416351151103	Trần Thị Tú	Anh	03/11/1997	Đà Nẵng	15CNQTH01	6.5	C	7.2	B	5.8	C	3.8	F	4.9	D	1.60	Không đạt	
380	416351151105	Huỳnh Xuân	Bách	26/6/1997	Bình Định	15CNQTH01	6.9	C	4.6	D			6.7	C	5.7	C	Thiếu điểm	Không đạt	
381	416351151114	Nguyễn Minh	Hoàng	20/10/1997	Quảng Nam	15CNQTH01	9.1	A	7.9	B	5.1	D			6.6	C	Thiếu điểm	Không đạt	
382	416351151124	Trần Thị	Ly	07/8/1997		15CNQTH01	7.2	B	8.6	A	6.0	C	6.8	C	3.0	F	2.20	Không đạt	
383	416351151130	Võ Thị	Như	20/11/1997		15CNQTH01	7.0	B	6.8	C	3.2	F					Thiếu điểm	Không đạt	
384	416351151137	Nguyễn Phương	Thảo	15/4/1997		15CNQTH01	7.2	B	5.9	C	6.6	C	4.8	D			Thiếu điểm	Không đạt	
385	416351151145	Lê Nguyễn Linh	Trang	12/11/1997		15CNQTH01	8.8	A	6.0	C	4.0	D					Thiếu điểm	Không đạt	
386	416351151149	Cao Thị Thu	Vân	20/7/1997		15CNQTH01	5.4	D	3.6	F	5.0	D	4.6	D	5.7	C	1.00	Không đạt	
387	416351151155	Trần Công	Tiến	08/4/1996		15CNQTH01											Thiếu điểm	Không đạt	
388	416352151111	Nguyễn Thị Yến	Hồng	13/10/1997		15CNQTH02	7.8	B									Thiếu điểm	Không đạt	
389	416352151116	Nguyễn Huỳnh Khánh	Huyền	03/8/1997		15CNQTH02	5.4	D	8.4	B	4.6	D					Thiếu điểm	Không đạt	
390	416352151123	Lê Thị	Nga	20/6/1996	Hà Tĩnh	15CNQTH02	6.5	C	0.0	F					7.4	B	Thiếu điểm	Không đạt	
391	416352151125	Phan Bích	Ngọc	15/02/1997		15CNQTH02	8.3	B									Thiếu điểm	Không đạt	
392	416352151128	Võ Thị Cẩm	Nhung	18/7/1997	Quảng Ngãi	15CNQTH02	5.3	D	3.4	F	6.8	C			6.2	C	Thiếu điểm	Không đạt	
393	416352151139	Bùi Phương	Thảo	06/4/1997		15CNQTH02	6.7	C									Thiếu điểm	Không đạt	
394	416352151150	Khaikhamphithoun	Khamsing	05/5/1995		15CNQTH02	8.0	B	9.7	A	9.2	A	9.6	A	9.0	A	3.80	Xuất sắc	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
395	416352151150	Khai Khamphithoun	Khamsing	05/5/1995	Lào	15CNQTH02											Thiếu điểm	Không đạt	
396	416353151106	Nguyễn Thị Khánh	Duyên	14/12/1996		15CNQTH03	6.5	C	3.2	F	6.0	C	5.7	C	5.6	C	1.60	Không đạt	
397	416353151106	Nguyễn Thị Khánh	Duyên	04/12/1996	Đà Nẵng	15CNQTH03											Thiếu điểm	Không đạt	
398	416353151107	Đào Thị	Giang	05/10/1997		15CNQTH03	7.4	B	8.7	A							Thiếu điểm	Không đạt	
399	416353151111	Hồ Linh	Hương	19/5/1997	Quảng Nam	15CNQTH03	6.8	C	8.4	B	8.4	B	6.0	C			Thiếu điểm	Không đạt	
400	416353151121	Nguyễn Mai Hà	My	26/9/1997		15CNQTH03	6.5	C	4.7	D	5.7	C	7.1	B			Thiếu điểm	Không đạt	
401	416353151123	Hồ Thị Kim	Nga	20/02/1997	Quảng Nam	15CNQTH03	6.0	C	7.9	B	5.3	D			6.1	C	Thiếu điểm	Không đạt	
402	416353151129	Võ Thái Hà	Phương	02/11/1997		15CNQTH03											Thiếu điểm	Không đạt	
403	416353151131	Phan Ngọc Đỗ	Quyên	02/3/1996		15CNQTH03	6.5	C	4.5	D	4.3	D	5.6	C	4.8	D	1.40	Không đạt	
404	416353151134	Võ Thị Thu	Thảo	07/9/1997	Quảng Nam	15CNQTH03	6.0	C	3.1	F	5.7	C	5.7	C	5.7	C	1.60	Không đạt	
405	416353151137	Dương Thị Minh	Thuận	03/11/1997		15CNQTH03	7.7	B	4.2	D	6.1	C	6.0	C	7.0	B	2.20	Trung bình	
406	416353151137	Dương Thị Minh	Thuận	04/11/1997	Đà Nẵng	15CNQTH03											Thiếu điểm	Không đạt	
407	416353151139	Nguyễn Ngân	Thụy	02/10/1997		15CNQTH03	6.0	C									Thiếu điểm	Không đạt	
408	416353151140	Nguyễn Thị	Thuyền	07/02/1997		15CNQTH03	6.8	C									Thiếu điểm	Không đạt	
409	416353151143	Lý Thị Mỹ	Trinh	30/8/1997		15CNQTH03	6.8	C	3.5	F							Thiếu điểm	Không đạt	
410	416353151145	Đỗ Thanh	Uyên	25/01/1997	Quảng Nam	15CNQTH03	6.0	C	8.1	B	0.0	F	5.0	D	4.0	D	1.40	Không đạt	
411	416353151149	Som Anousak	Somleuk	18/7/1994		15CNQTH03	6.9	C					9.2	A	8.4	B	Thiếu điểm	Không đạt	
412	416353151151	Keobounxay	Linda			15CNQTH03	1.5	F									Thiếu điểm	Không đạt	
413	416353151153	Đoàn Nguyên Hoài	Thương	01/10/1997	Đà Nẵng	15CNQTH03	6.8	C	3.5	F	4.9	D	5.0	D	4.9	D	1.00	Không đạt	
414	416361151102	Phạm Lê Hồng	Hạnh	19/8/1996	Đà Nẵng	15CNQTHCLC01	8.1	B	6.9	C	4.9	D	5.0	D	5.6	C	1.80	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
415	416361151104	Lê Phan Bích Ngọc		01/10/1997		15CNQTHCLC01	4.2	D	3.2	F							Thiếu điểm	Không đạt	
416	416361151105	Nguyễn Vĩnh San		12/9/1997	Khánh Hòa	15CNQTHCLC01	8.6	A	7.4	B	3.9	F	5.6	C	5.6	C	2.20	Không đạt	
417	416361151107	Nguyễn Xuân Trúc		22/11/1997	Đà Nẵng	15CNQTHCLC01	9.0	A	6.4	C			7.8	B			Thiếu điểm	Không đạt	
418	416361151108	Lê Xuân Hưng		16/9/1997	Đà Nẵng	15CNQTHCLC01	6.8	C									Thiếu điểm	Không đạt	
419	416361151111	Lê Hạ Nhật		23/10/1997	Đà Nẵng	15CNQTHCLC01	5.6	C	2.5	F	0.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
420	416361151112	Tôn Thất Thanh Tân		14/01/1997		15CNQTHCLC01			0.0	F							Thiếu điểm	Không đạt	
421	416361151113	Nguyễn Thị Hương Trà		05/01/1997	Đà Nẵng	15CNQTHCLC01	6.5	C	5.2	D	6.5	C	6.2	C			Thiếu điểm	Không đạt	
422	416361151114	Nguyễn Phương Linh		18/7/1997	Đà Nẵng	15CNQTHCLC01	8.7	A	5.8	C			5.7	C	2.9	F	Thiếu điểm	Không đạt	
423	416361151115	Phạm Lê Tiến Thành		12/8/1997	Đắk Lắk	15CNQTHCLC01											Thiếu điểm	Không đạt	
424	416361151116	Võ Hường Vy		29/8/1997	Quảng Ngãi	15CNQTHCLC01	6.9	C	4.2	D	4.7	D	8.1	B	6.4	C	1.80	Không đạt	
425	416361151117	Đoàn Ngọc Uyên Phương		06/8/1997	Thừa Thiên Huế	15CNQTHCLC01	9.1	A	6.8	C			6.0	C	0.0	F	Thiếu điểm	Không đạt	
426	416361151118	Trương Tổ Nhi		03/7/1997	Quảng Nam	15CNQTHCLC01	5.6	C	6.3	C	5.5	C	6.1	C	5.0	D	1.80	Không đạt	
427	416361151120	Nguyễn Trần Bảo Khuê		26/01/1997	Đà Nẵng	15CNQTHCLC01	4.5	D	5.3	D	5.2	D			7.7	B	Thiếu điểm	Không đạt	
428	415231151107	Nguyễn Thị Hằng		10/12/1997		15CNT01	7.7	B	3.1	F							Thiếu điểm	Không đạt	
429	415231151108	Đào Vũ Thúy Hòa		10/8/1997		15CNT01	8.9	A									Thiếu điểm	Không đạt	
430	415231151114	Ngô Nữ Thùy Nguyên		22/01/1996	Đà Nẵng	15CNT01	7.3	B	6.8	C	5.6	C	5.0	D	4.8	D	1.80	Không đạt	
431	415231151121	Nguyễn Thị Kim Quyên		06/11/1997		15CNT01	7.3	B	4.8	D							Thiếu điểm	Không đạt	
432	415231151122	Nguyễn Trang Quỳnh		08/02/1997	Hà Tĩnh	15CNT01	6.4	C	6.7	C	5.0	D	6.1	C	5.7	C	1.80	Không đạt	
433	415231151125	Hoàng Thị Hoài Thanh		11/8/1995	Quảng Trị	15CNT01	6.7	C	5.1	D	7.3	B	3.6	F			Thiếu điểm	Không đạt	
434	415231151127	Phạm Thị Thu Thảo		27/12/1996	Đắk Lắk	15CNT01	8.4	B	6.8	C	3.7	F	6.1	C			Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
435	415231151132	Nguyễn Thị Huyền	Trang	10/10/1997		15CNT01	7.3	B	5.5	C							Thiếu điểm	Không đạt	
436	415231151137	Huỳnh Thúy	Vy	23/9/1997		15CNT01	5.3	D	0.0	F	2.5	F					Thiếu điểm	Không đạt	
437	415401151105	Nguyễn Bá Chiêu	Hoàng	17/01/1997	Đà Nẵng	15CNTDL01	6.8	C	6.9	C	5.5	C	4.8	D	5.8	C	1.80	Không đạt	
438	415401151109	Nguyễn Thị Ái	Linh	08/11/1997		15CNTDL01	7.1	B	9.3	A	7.2	B					Thiếu điểm	Không đạt	
439	415401151115	Nguyễn Phước	Ngân	10/10/1997	Quảng Ngãi	15CNTDL01	8.4	B	6.8	C	4.8	D	5.4	D			Thiếu điểm	Không đạt	
440	415401151127	Mã Thị Hoài	Thương	08/11/1996	Quảng Nam	15CNTDL01	8.1	B							7.5	B	Thiếu điểm	Không đạt	
441	415401151130	Võ Lê Diệu	Tú	27/4/1997	Đà Nẵng	15CNTDL01	6.0	C	4.2	D			6.0	C	5.5	C	Thiếu điểm	Không đạt	
442	415401151135	Đặng Thị Phương	Mai	14/12/1997	Đà Nẵng	15CNTDL01	6.5	C	9.0	A	6.0	C			6.9	C	Thiếu điểm	Không đạt	
443	415401151137	Ngô Hoàng	Thạch	25/10/1997	Quảng Nam	15CNTDL01	6.8	C			5.2	D	6.7	C	7.7	B	Thiếu điểm	Không đạt	
444	415331151113	Lê Gia	Linh	15/6/1997		15CNTTM01	6.3	C	6.6	C	5.7	C					Thiếu điểm	Không đạt	
445	415331151132	Nguyễn Ngọc	Trâm	20/01/1997	Nghệ An	15CNTTM01	6.8	C	5.4	D	6.0	C	4.9	D	5.5	C	1.60	Không đạt	
446	415331151139	Nguyễn Thúy	Hằng	11/01/1995		15CNTTM01											Thiếu điểm	Không đạt	
447	416211151102	Harit	NamLao	12/12/1996		15CNTV01	8.7	A	8.4	B	9.2	A	9.0	A	8.5	A	3.80	Xuất sắc	
448	416211151103	Lee	Siwook	30/11/1994		15CNTV01			6.6	C							Thiếu điểm	Không đạt	
449	416211151105	Ahn	Seonghyun	06/4/1989		15CNTV01	8.6	A	7.6	B	6.9	C	6.2	C	7.0	B	2.80	Khá	
450	416211151106	Lee	Geunil	19/01/1988		15CNTV01			7.6	B							Thiếu điểm	Không đạt	
451	416211151107	Shim Hawn	Hee	04/4/1996		15CNTV01			7.1	B							Thiếu điểm	Không đạt	
452	416211151108	Thetthany	Lattana	16/5/1995		15CNTV01	7.5	B	7.3	B	4.5	D	6.3	C	4.2	D	2.00	Trung bình	
453	416211151109	Keobounxay	Linda	16/5/1995		15CNTV01	0.0	F	7.3	B	4.4	D	5.5	C	5.7	C	1.60	Không đạt	
454	416211151110	Som Anousack	Somluck	18/7/1994		15CNTV01	1.5	F	9.2	A	9.2	A					Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
						I		II		III		IV		V				
						số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
455	411131151109	Mạc Thị Hạ	02/11/1997		15SPA01	6.5	C									Thiếu điểm	Không đạt	
456	411131151110	Huỳnh Thị Thu Hiền	06/01/1997	Kon Tum	15SPA01	6.5	C	8.3	B	4.9	D	4.7	D	4.9	D	1.60	Không đạt	
457	411131151116	Huỳnh Khánh Linh	06/4/1997		15SPA01	6.5	C	4.6	D	7.0	B	6.0	C			Thiếu điểm	Không đạt	
458	411131151118	Nguyễn Thị Khánh Ly	20/01/1997		15SPA01	7.1	B	8.5	A							Thiếu điểm	Không đạt	
459	411131151119	Nguyễn Thị Ái Mỹ	02/6/1997		15SPA01	6.8	C	8.0	B	5.7	C			5.7	C	Thiếu điểm	Không đạt	
460	411131151122	Võ Ngọc Khánh Nhi	01/5/1997		15SPA01	6.3	C									Thiếu điểm	Không đạt	
461	411131151123	Lê Thị Mỹ Nữ	07/10/1997		15SPA01	6.3	C	5.3	D	5.6	C	4.4	D	6.0	C	1.60	Không đạt	
462	411131151128	Phạm Thị Như Quỳnh	22/4/1997		15SPA01	7.4	B	5.9	C							Thiếu điểm	Không đạt	
463	411131151129	Huỳnh Phương Thảo	16/01/1997		15SPA01	7.4	B									Thiếu điểm	Không đạt	
464	411131151135	Nguyễn Vĩnh Thuyền	27/5/1997	Quảng Nam	15SPA01	6.0	C	5.6	C	6.2	C	6.5	C	5.3	D	1.80	Không đạt	
465	411131151136	Lê Thị Thùy Trinh	20/5/1997	Quảng Ngãi	15SPA01	6.8	C	9.5	A	7.6	B			6.4	C	Thiếu điểm	Không đạt	
466	411131151138	Nguyễn Thị Bích Vân	11/01/1997		15SPA01	6.5	C	7.4	B	6.1	C	6.0	C	6.5	C	2.20	Trung bình	
467	411131151139	Vũ Hoàng Vương	22/5/1997	Quảng Ngãi	15SPA01	6.5	C			8.0	B	5.8	C	6.9	C	Thiếu điểm	Không đạt	
468	411131151140	Lê Quỳnh Châu	04/5/1996		15SPA01											Thiếu điểm	Không đạt	
469	411132151102	Trần Trương Hoàng Anh	20/8/1997	Bình Định	15SPA02	6.5	C	5.1	D	4.8	D	5.5	C	5.8	C	1.60	Không đạt	
470	411132151104	Đào Thị Quỳnh Anh	07/01/1997	Quảng Nam	15SPA02	7.9	B	5.6	C			7.0	B			Thiếu điểm	Không đạt	
471	411132151116	Vũ Thị Thanh Huyền	27/7/1997	Đà Nẵng	15SPA02	6.8	C	3.4	F	6.0	C	5.8	C	5.6	C	1.60	Không đạt	
472	411132151120	Võ Lê Bích Ngọc	03/7/1997		15SPA02	7.9	B	0.0	F							Thiếu điểm	Không đạt	
473	411132151129	Trần Ngọc Bảo Quyên	14/02/1997	Đà Nẵng	15SPA02	6.0	C	2.5	F	6.3	C	5.5	C	5.5	C	1.60	Không đạt	
474	411132151135	Phạm Mai Thy	06/12/1997	Đà Nẵng	15SPA02	6.5	C	0.8	F	8.0	B	6.4	C	6.5	C	1.80	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
475	411132151139	Nguyễn Thị Hải	Yến	02/4/1997	Đà Nẵng	15SPA02	7.4	B	6.4	C	4.8	D	4.5	D	6.7	C	1.80	Không đạt	
476	411132151140	Lê Thị Thúy	Mai	15/12/1997	Đà Nẵng	15SPA02					8.5	A	8.9	A	8.9	A	Thiếu điểm	Không đạt	
477	411541151101	Lê Thành	Công	24/02/1997	Quảng Trị	15SPATH01	9.2	A			7.3	B	7.0	B	8.2	B	Thiếu điểm	Không đạt	
478	411541151104	Phạm Thị Thùy	Dung	23/3/1997		15SPATH01	8.9	A	7.0	B	3.2	F	6.8	C	6.1	C	2.20	Không đạt	
479	411541151106	Nguyễn Thị Thảo	Duyên	04/9/1997		15SPATH01	8.9	A	8.5	A	1.2	F			5.6	C	Thiếu điểm	Không đạt	
480	411541151108	Nguyễn Thị	Hạnh	26/01/1997		15SPATH01											Thiếu điểm	Không đạt	
481	411541151111	Thái Thị Mỹ	Linh	01/6/1997	Nghệ An	15SPATH01	8.6	A	8.4	B	8.4	B			8.7	A	Thiếu điểm	Không đạt	
482	411541151113	Hồ Thị Thanh	Nga	04/3/1997	Thừa Thiên Huế	15SPATH01	7.3	B	6.3	C	4.4	D	3.4	F	6.6	C	1.60	Không đạt	
483	411541151115	Zorâm	Nhiếp	25/8/1996		15SPATH01	8.1	B	9.5	A	7.4	B	8.4	B	8.9	A	3.40	Giỏi	
484	411541151115	Zơ Râm	Nhiếp	25/8/1996	Quảng Nam	15SPATH01											Thiếu điểm	Không đạt	
485	411541151123	Nguyễn Ngọc An	Thi	03/9/1997		15SPATH01	6.5	C									Thiếu điểm	Không đạt	
486	411541151134	Hồ Thị Tường	Vi	25/5/1997		15SPATH01	9.7	A	9.5	A	5.5	C					Thiếu điểm	Không đạt	
487	411542151101	Đặng Quang	Học	23/3/1997		15SPATH02	10.0	A	7.4	B							Thiếu điểm	Không đạt	
488	411542151104	Đinh Thị Hồng	Thương	22/7/1997	Hà Tĩnh	15SPATH02	8.6	A	6.4	C	8.1	B			7.6	B	Thiếu điểm	Không đạt	
489	411542151105	Đinh Thị Kim	Tuyển	10/4/1997		15SPATH02	10.0	A	1.2	F	8.5	A	7.4	B			Thiếu điểm	Không đạt	
490	411542151116	Nguyễn Thị	Vân	02/12/1997		15SPATH02	9.7	A	6.6	C	7.2	B					Thiếu điểm	Không đạt	
491	411542151125	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	30/9/1997		15SPATH02	9.7	A	0.0	F							Thiếu điểm	Không đạt	
492	413131151101	Trần Vũ Nhân	Ái	19/10/1995		15SPP01	6.8	C	10.0	A	8.9	A	9.2	A	8.0	B	3.40	Giỏi	
493	413131151102	Bùi Thị Ngọc	Anh	15/5/1995		15SPP01	6.0	C	9.2	A	7.3	B					Thiếu điểm	Không đạt	
494	413131151103	Trần Minh	Anh	20/01/1997		15SPP01	6.9	C	7.6	B							Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú
							I		II		III		IV		V				
							số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ			
495	413131151105	Nguyễn Đan	Hà	14/10/1997		15SPP01			0.0	F	2.9	F					Thiếu điểm	Không đạt	
496	413131151108	Trần Thị Hồng	Lan	18/10/1997		15SPP01	7.6	B	6.1	C	5.4	D	6.4	C	3.9	F	1.60	Không đạt	
497	413131151109	Lưu Khánh	Linh	23/6/1997		15SPP01	6.3	C	8.0	B							Thiếu điểm	Không đạt	
498	413131151113	Nguyễn Hải Hoài	My	23/4/1996		15SPP01	8.7	A	6.6	C							Thiếu điểm	Không đạt	
499	413131151114	Trần Thị Diệu	My	10/10/1997		15SPP01	8.7	A	8.6	A							Thiếu điểm	Không đạt	
500	413131151117	Mai Mỹ	Qua	08/5/1997		15SPP01	6.6	C	5.3	D	5.8	C					Thiếu điểm	Không đạt	
501	413131151122	Hà Thị Kim	Tịnh	12/6/1997		15SPP01	7.3	B	5.6	C	5.6	C			5.4	D	Thiếu điểm	Không đạt	
502	413131151126	Trang Thùy Bích	Thuận	16/4/1997		15SPP01	5.1	D	6.3	C	5.6	C			6.6	C	Thiếu điểm	Không đạt	
503	413131151127	Hồ Thị Bích	Thủy	31/5/1997		15SPP01	7.0	B	6.6	C							Thiếu điểm	Không đạt	
504	413131151132	Nguyễn Thùy Phương	Uyên	03/02/1997		15SPP01	5.5	C	5.3	D	1.2	F					Thiếu điểm	Không đạt	
505	415131151103	Nguyễn Thị Bảo	Châu	21/02/1997	Đà Nẵng	15SPT01	7.7	B	3.9	F	3.0	F					Thiếu điểm	Không đạt	
506	415131151106	Huỳnh Nguyễn Gia	Hân	12/5/1997		15SPT01	6.2	C	1.8	F							Thiếu điểm	Không đạt	
507	415131151111	Nguyễn Lâm Tường	My	07/12/1997		15SPT01	7.2	B	9.0	A	5.8	C	6.5	C	1.8	F	2.20	Không đạt	
508	415131151116	Lê Thị Hồng	Nhung	20/5/1995	Bình Định	15SPT01	6.4	C	6.4	C	3.7	F	6.5	C	6.4	C	1.60	Không đạt	
509	415131151119	Võ Lâm Như	Quỳnh	04/3/1997		15SPT01	5.9	C	7.8	B	5.6	C					Thiếu điểm	Không đạt	
510	415131151121	Sầm Thị	Sen	05/12/1995		15SPT01	8.0	B	7.4	B	9.2	A	7.7	B	6.3	C	3.00	Khá	
511	415131151121	Sầm Thị	Sen	15/12/1995	Sơn La	15SPT01											Thiếu điểm	Không đạt	
512	415131151122	Nguyễn Ngọc	Tâm	21/3/1997	Đà Nẵng	15SPT01	8.4	B	6.9	C	9.2	A	8.4	B			Thiếu điểm	Không đạt	
513	415131151123	Nguyễn Mạnh	Tùng	25/10/1994	Lào Cai	15SPT01	9.0	A			6.4	C	7.3	B	7.2	B	Thiếu điểm	Không đạt	
514	415131151124	Hồ Thị	Tuyền	27/8/1997		15SPT01	6.4	C	7.3	B							Thiếu điểm	Không đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp SH	Điểm học phần										Điểm TB chung	Xếp loại	Ghi chú	
						I		II		III		IV		V					
						số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ	số	chữ				
515	415131151127	Nguyễn Thị Hà Thanh	06/6/1997		15SPT01	6.5	C	5.8	C	5.6	C	6.5	C	6.3	C	2.00	Trung bình		
516	415131151128	Lê Thị Phương	Thủy	16/01/1997	15SPT01	8.7	A	9.5	A	5.6	C	6.8	C	6.8	C	2.80	Khá		
517	415131151128	Lê Phương	Thủy	16/01/1997	Đà Nẵng	15SPT01										Thiếu điểm	Không đạt		
518	415131151129	Võ Huỳnh Anh	Thư	13/10/1997	Đà Nẵng	15SPT01	3.1	F	5.1	D	5.0	D	5.6	C	5.6	C	1.20	Không đạt	
519	415131151133	Đào Anh	Tuyển	25/3/1993	Hà Nam	15SPT01	8.7	A			7.7	B	7.7	B	7.8	B	Thiếu điểm	Không đạt	

Tổng cộng: 519 sinh viên.

LẬP DANH SÁCH

TỔ TRƯỞNG TỔ ĐÀO TẠO, CTSV

Q. TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Thị Sương

ThS. Nguyễn Xuân Hiền

ThS. Võ Đình Hợp